

Tháng 6/ 2024

BÁO CÁO VỀ TÍNH BỀN VỮNG CỦA CÁC HỆ THỐNG THỰC PHẨM ASEAN





Giới thiệu về CropLife Asia

CropLife Asia hoạt động theo phương thức phi lợi nhuận và là tổ chức vùng của CropLife International tại khu vực Châu Á – đại diện cho tiếng nói của ngành khoa học cây trồng toàn cầu. CropLife khuyến khích ứng dụng các giải pháp khoa học thực vật tiên tiến nhằm thúc đẩy nguồn cung cấp thực phẩm an toàn, đảm bảo và bền vững trên toàn cầu. CropLife Asia hỗ trợ công việc của 15 hiệp hội thành viên trên khắp lục địa với sự tham gia của 6 công ty thành viên chính thức và một công ty thành viên liên kết hàng đầu trong lĩnh vực bảo vệ cây trồng, hạt giống và/hoặc nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học. Thông tin thêm về tổ chức, xem tại www.croplifeasia.org.



Giới thiệu về EU-ASEAN Business Council

Hội đồng Kinh doanh Châu Âu ASEAN (EU-ABC) là tổ chức đại diện cho tiếng nói của các doanh nghiệp Châu Âu trong khu vực ASEAN, là tổ chức duy nhất hoạt động như điểm kết nối giữa khối công và tư, giữa hai khu vực ASEAN và Châu Âu. Chúng tôi được chính thức công nhận bởi cả Ủy ban châu Âu (EC) và là một thực thể được công nhận theo Phụ lục 2 của Hiến chương ASEAN. Độc lập với cả hai cơ quan nêu trên, Hội đồng được thành lập để giúp thúc đẩy lợi ích của các doanh nghiệp Châu Âu hoạt động trong ASEAN và vận động cho những thay đổi về chính sách và quy định giúp thúc đẩy thương mại và đầu tư giữa Châu Âu và khu vực ASEAN. Vì vậy, Hội đồng làm việc trên cơ sở theo từng ngành và xuyên ngành để giúp cải thiện điều kiện đầu tư và thương mại cho các doanh nghiệp Châu Âu trong khu vực ASEAN bằng cách tạo ảnh hưởng đến các nhà hoạch định và ra quyết định về chính sách trong khu vực và Châu Âu cũng như tạo dựng nền tảng trao đổi thông tin và ý tưởng giữa các thành viên và các bên liên quan khu vực trong ASEAN.

Báo cáo về Tính Bền vững của các Hệ thống Thực phẩm ASEAN



Bối cảnh

“Vào ngày 7-8 tháng 11 năm 2023, CropLife Asia và Hội đồng Kinh doanh EU-ASEAN đã tổ chức Hội thảo đầu tiên với chủ đề “Tính bền vững của Hệ thống Thực phẩm ASEAN” tại Jakarta. Một trong những chủ đề trung tâm của hội thảo là xác định một lộ trình bền vững cho nông nghiệp ASEAN khi Châu Âu – vốn là thị trường quan trọng cho các nhà xuất khẩu ASEAN – đang thúc đẩy một cách tiếp cận đồng nhất cho nông nghiệp và môi trường. Sự kiện kéo dài hai ngày đã thu hút sự tham gia trực tiếp của hơn 20 cán bộ của các quốc gia thành viên ASEAN (AMS) thuộc Nhóm Công tác Ngành về Cây trồng (ASWGC), Nhóm Công tác Ngành về Chăn nuôi (ASWGL) và Nhóm Công tác về Quản lý Rừng ASEAN (AWGFM) cũng như hơn 150 đại diện của các bên liên quan trong lĩnh vực thực phẩm và nông nghiệp tại khu vực tham gia trực tuyến. Những thảo luận chính của hội thảo tập trung vào Thỏa thuận Xanh của EU trong ngày đầu tiên; Hướng dẫn của Khu vực ASEAN về Nông nghiệp Bền vững cùng các chủ đề liên quan đến tính bền vững khác vào ngày thứ hai; và nhiều bài thuyết trình cùng thảo luận nhóm có ý nghĩa khác từ các đại diện thuộc nhiều tổ chức khác nhau như: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), Viện Mekong, KPMG, Mạng lưới Nông dân Toàn cầu, Bayer, COP28 UAE, ISAAA, Control Risks, Bryant Christie Inc... Mục tiêu của hội thảo là giúp tìm ra cách thức giúp đẩy mạnh hợp tác công-tư lớn hơn trong việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp và hệ thống thực phẩm bền vững hơn trong khu vực ASEAN.

Báo cáo dưới đây sẽ tóm tắt các diễn biến từ Hội thảo.

Giới thiệu chung



Dù có nhiều quan điểm, dữ liệu và những ví dụ tầm khu vực/quốc tế được đưa ra, nhưng cách tiếp cận và thông điệp quan trọng nhất ghi nhận được từ Hội thảo rất rõ ràng: tính bền vững trong ngành thực phẩm và nông nghiệp khi nhìn một cách bao quát không phải là một giải pháp đồng nhất cho tất cả. Hơn nữa, việc đẩy nhanh áp dụng các hệ thống thực phẩm bền vững hơn trong các quốc gia thành viên ASEAN nên hỗ trợ cho mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đẩy mạnh thương mại và tăng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu – chứ không phải đưa các mục tiêu này vào rủi ro lớn hơn. Cũng có sự đồng thuận rằng cần thúc đẩy hợp tác công - tư để hiện thực hóa tầm nhìn về hệ thống thực phẩm và nông nghiệp bền vững hơn trong khu vực; EU và các quốc gia thành viên ASEAN cũng như các đối tác phát triển và thương mại có thể và nên đẩy mạnh tiếp cận tất cả các giải pháp đổi mới trong nông nghiệp; và rằng cần có sự tham gia của từng quốc gia thành viên ASEAN trong việc đánh giá những tác động của Thỏa thuận Xanh của Châu Âu tới những hệ thống thực phẩm tại khu vực nếu được hiện thực hóa như hiện tại.

Các nước phát triển, chủ yếu là Châu Âu, đang dẫn dắt một cách tiếp cận đối với nông nghiệp trong đó tập trung vào nhiều quy định chi tiết và ưu tiên các vấn đề về môi trường – cách này có thể phù hợp cho các nước giàu nhưng có thể có tác động tiêu cực đến các nước đang phát triển.

Thỏa thuận Xanh của EU là một khung quy định do các nhà lập pháp Châu Âu thiết lập chủ yếu nhằm giảm phát thải khí nhà kính. Nó cũng chứa một cấu phần quan trọng về nông nghiệp ('Chiến lược Hóa chất cho Sự Bền vững') bao gồm việc giảm sử dụng thuốc BVTV và thúc đẩy nông nghiệp hữu cơ bằng cách đưa ra nhiều mục tiêu bắt buộc về thuốc BVTV và thực hành nông nghiệp.

Đã có nhiều hoạt động phản đối mạnh mẽ đối với một số mục tiêu và chính sách của Thỏa thuận Xanh từ các nông dân, nhóm nông dân và ngành thực phẩm nông nghiệp trên khắp khu vực Liên minh Châu Âu.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã lưu ý rằng Thỏa thuận Xanh và cách tiếp cận pháp lý bao trùm của Châu Âu có thể gây ra tác động tới quá trình đổi mới và do đó là ảnh hưởng tới sản lượng và năng suất nông nghiệp. Các mối quan ngại tương tự đã được nhấn mạnh bởi nhiều nhà nghiên cứu tại các viện nghiên cứu của Châu Âu.



OECD đã khuyến nghị Châu Âu nên tiến hành những đánh giá tác động của hệ thống pháp lý của châu lục này nhằm đảm bảo rằng cách tiếp cận tổng hợp để ra quy định pháp lý sẽ không cản trở quá trình đổi mới và nghiên cứu – đây là chìa khóa giúp quy định về môi trường hiệu quả hơn.

Cách tiếp cận này có thể là mang tới một khung pháp lý phù hợp cho các nước phát triển giàu có khi mức hỗ trợ kỹ thuật và tài chính đầu tư cho ngành nông nghiệp rất cao. Nhưng đối với các nước đang phát triển, cách tiếp cận tương tự đang báo hiệu những rủi ro, chủ yếu là:

- Hạn chế mức độ tiếp cận đổi mới trong nông nghiệp; và
- Giảm sản lượng và đe dọa các mục tiêu giảm nghèo, xóa đói và đảm bảo an ninh lương thực.

Việc áp dụng cách tiếp cận tương tự ở các nước đang phát triển chỉ nên được xem xét khi:

- Một đánh giá tác động kinh tế và xã hội được tiến hành, đặc biệt là đối với các khu vực nơi nông nghiệp đóng góp đáng kể vào thu nhập hộ gia đình và phúc lợi kinh tế;
- Có các cơ chế tài chính sẵn có để giảm thiểu bất kỳ tác động kinh tế tiêu cực và tổn thất nào đối với thu nhập của nông dân; và
- Có xác định và thiết lập được những hướng dẫn cho việc thực thi chính sách, bao gồm hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ.

Hạ chuẩn MRL (Mức Dư lượng Tối đa) là một trong các biện pháp của Châu Âu. MRL là các tiêu chuẩn được sử dụng để thúc đẩy thương mại giữa các quốc gia. FAO cung cấp các tiêu chuẩn MRL đã được đồng thuận quốc tế theo Tiêu chuẩn Codex. Châu Âu đã chọn một con đường riêng khi vượt quá các tiêu chuẩn này cho các mục đích môi trường.

Điều này đã gây quan ngại đối với nhiều đối tác thương mại tại Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) – một số quan ngại chung bao gồm:

- Hạ MRL thấp hơn không dựa trên cơ sở khoa học và có thể cũng không mang lại tác động môi trường tốt hơn tại các nước Châu Âu; và
- Các mức này sẽ tạo thêm rào cản thương mại đối với hàng xuất khẩu của các nước sang Liên minh Châu Âu.

Thêm một quan ngại khác đó là có thể các đối tác của Châu Âu cũng sẽ áp dụng tương tự: lo ngại rằng sẽ có một mức độ tái tạo giữa các đối tác thương mại của EU:

- Nếu các nước này điều chỉnh hạ mức MRL tương tự để đủ điều kiện xuất hàng vào thị trường Châu Âu, điều này có thể tạo ra các tác động bất lợi đối với nhu cầu cộng đồng nông dân trong nước họ.
- Nếu EU thúc đẩy các điều khoản phản ánh quy định MRL của họ trong các hiệp định thương mại hoặc loại bỏ các hoạt chất quan trọng ra khỏi bộ công cụ cạnh tranh của nông dân; và
- Điều này sẽ tạo ra rủi ro cho việc sản xuất lương thực cũng như cộng đồng nông thôn tại các nước đang phát triển

ASEAN nên cân nhắc kỹ lưỡng các tác động tiềm tàng của những đề xuất đi theo hoặc sao chép cách tiếp cận pháp lý của Châu Âu để đảm bảo rằng chúng phù hợp với các mục tiêu phát triển lớn của khu vực và của từng nước.



- Bối cảnh kinh tế xã hội của ASEAN rất đa dạng với các mức độ phát triển kinh tế khác nhau và tỷ lệ tăng trưởng dân số cao;
- Nông nghiệp các nước cũng rất đa dạng với số lượng lớn nông hộ quy mô nhỏ, nông trại nhỏ và là một ngành kinh tế chưa phát huy hết tiềm năng của nó; và
- Áp lực khí hậu và dịch hại mà nông dân ASEAN phải đối mặt khác với Châu Âu và đòi hỏi các giải pháp khác biệt để đảm bảo canh tác hiệu quả.

Hạn chế các phương pháp nông nghiệp mới hoặc truyền thống đã được chấp nhận quốc tế trước khi đánh giá đầy đủ những đóng góp của các phương pháp này vào sự phát triển của khu vực, cũng như các mục tiêu môi trường, có thể là quá vội vàng.

Có khoảng 100 triệu nông dân canh tác quy mô nhỏ ở khu vực ASEAN; các trang trại của họ thường có năng suất thấp hơn do những hạn chế về tiếp cận công nghệ hoặc dịch vụ khuyến nông.

Những lệnh cấm đối với các giải pháp đổi mới một cách nhanh chóng có thể làm gia tăng nhu cầu mở rộng đất canh tác của nông dân nhỏ, tăng nguy cơ phá rừng. Điều này sẽ làm suy yếu các mục tiêu về phá rừng và khí hậu trong khu vực cũng như mục tiêu của Châu Âu về giảm nạn phá rừng ở các nước nhiệt đới.

Nhật Bản và các chính phủ thành viên ASEAN đang thúc đẩy một cách tiếp cận hợp tác hơn và tập trung vào việc cải thiện liên tục ở các cấp độ: nông trại, đổi mới và quy định pháp lý.

Ở các quốc gia khác, cách tiếp cận về tính bền vững trong nhập khẩu và tối ưu đầu ra môi trường của các đối tác thương mại thường không được quy định nghiêm ngặt.

- Nhật Bản đã giới thiệu cách tiếp cận “Chiến lược MIDORI” với mục tiêu tương tự là giảm sử dụng hóa chất trong nước;
- Cách tiếp cận của họ đối với hàng nhập khẩu là tập trung vào tính bền vững của nguồn nguyên liệu nhập khẩu; và
- Họ đã tham khảo ý kiến các nước xuất khẩu để xác định các tiêu chuẩn phù hợp một cách bền vững mà không tạo ra tác động tiêu cực về xã hội và kinh tế cho các nước đối tác.

Các bên liên quan tại hội thảo ưu tiên hơn cho những khung và chương trình phát triển bền vững phù hợp với các mục tiêu phát triển quốc gia và đảm bảo rằng các chính phủ thành viên ASEAN (AMS) làm rõ quan điểm của mình với các quan chức Châu Âu. Thay vì đặt các mục tiêu MRLs cụ thể hoặc cách làm tương tự, điều quan trọng là tập trung tới một mô hình có tính cải thiện liên tục. Điều này bao gồm:

- Giảm sử dụng các thuốc BTV có nguy cơ (HHPs) khi bắt buộc bằng cách đánh giá và giảm thiểu các rủi ro liên quan đến việc sử dụng chúng;
- Đảm bảo rằng các cách tiếp cận về pháp lý không làm suy yếu quá trình đổi mới hoặc các mục tiêu môi trường bao trùm hơn; và
- Đảm bảo rằng các ngành hàng tuân thủ thực hành tốt nhất khi triển khai cùng với việc tăng cường hợp tác giữa các nhóm ngành, nông dân và cơ quan quản lý.



Giới thiệu: Thoả thuận Xanh – Châu Âu



Bối cảnh & giới thiệu chung

Thoả thuận Xanh của Châu Âu là một khung chính sách môi trường do Liên minh Châu Âu (EU) khởi xướng vào năm 2019¹. Mục tiêu rộng hơn của khung chính sách này là tách rời tăng trưởng kinh tế khỏi việc sử dụng tài nguyên. Chiến lược chính của nó là giảm phát thải carbon của Châu Âu xuống bằng không vào năm 2050. Bên cạnh đó, khung này cũng hướng tới việc bảo vệ, bảo tồn và đẩy mạnh những nguồn lực tự nhiên của châu lục, đồng thời bảo vệ sức khỏe và phúc lợi của công dân khỏi các rủi ro và tác động liên quan đến môi trường.

Kết quả là, Thỏa thuận Xanh áp dụng một cách tiếp cận ‘toàn diện’, bao gồm các sáng kiến chính sách đối với lĩnh vực khí hậu, năng lượng, giao thông, nông nghiệp, xây dựng và môi trường. Nền tảng của nó là làm cho luật khí hậu của Châu Âu có tính ràng buộc, đảm bảo rằng tất cả các quốc gia Châu Âu cùng nhau làm việc để đạt được mục tiêu trung hòa khí hậu vào năm 2050, bao gồm các tiêu chuẩn về xây dựng, phát thải giao thông, sản xuất và tiêu thụ năng lượng. Ngoài ra, Ủy ban Châu Âu đang làm việc thông qua Tổ Công tác Chung để phối hợp và thực hiện các chính sách này một cách hiệu quả, đảm bảo sự liên kết giữa các quốc gia thành viên và giải quyết bất kỳ thách thức nào phát sinh.

Các cấu phần về nông nghiệp và môi trường của Thỏa thuận Xanh nằm trong khung “Chiến lược Từ Nông trại đến Bàn ăn” với nhiều mục tiêu đầy tham vọng để giảm sử dụng phân bón và hóa chất trong nông nghiệp: hướng tới giảm sử dụng 20% phân bón và 50% thuốc BVTV hoá học cũng như những rủi ro có liên quan vào năm 2030. Những mục tiêu này là một phần của nỗ lực rộng hơn của EU nhằm giảm thiểu các tác động môi trường và sức khỏe liên quan đến việc sử dụng hóa chất trong nông nghiệp, chẳng hạn như ô nhiễm nước, suy thoái đất và mất đa dạng sinh học. Các mục tiêu này được tóm tắt dưới đây:

Mục đích	Mục tiêu
Giảm sử dụng thuốc BVTV và các rủi ro có liên quan	Giảm sử dụng/ rủi ro 50% tới năm 2030 (đối với thuốc BVTV hoá học)
Giảm sử dụng phân bón và các rủi ro có liên quan	Giảm sử dụng/ rủi ro 0% tới năm 2030
Tăng canh tác hữu cơ ở Châu Âu	Đạt 25% diện tích canh tác nông nghiệp hữu cơ tới năm 2030
Hạ các tiêu chuẩn MRL	Các chỉ số môi trường được đưa vào khung MRI-3
Rà soát và chỉnh sửa quy định về nhập khẩu BDG	Yêu cầu dữ liệu về bền vững đối với việc cấp phép nhập khẩu cây trồng BDG
Quy định về chỉnh sửa gen	Tạo cơ hội cho khung pháp lý khả thi đối với NGTs
Ban hành hướng dẫn về thuốc sinh học	Thúc đẩy thay thế sử dụng thuốc BVTV sinh học
Tăng đa dạng canh quan	Chỉ thị sử dụng bền vững (IPM5), CAP (đất được đặt mục tiêu riêng)
Thiết lập các mục tiêu phục hồi thiên nhiên	Đề xuất các mục tiêu phục hồi thiên nhiên

Các đề xuất đã nhận được phản ứng trái chiều từ nông dân tại châu lục.

Tháng 11/ 2023

Đề xuất giảm 50% lượng phân bón sử dụng không được bỏ phiếu tán thành bởi Liên minh Châu Âu.

Tháng 2/ 2024

Đề xuất – Quy định Sử dụng thuốc BVTV (SUR) – bị bác bỏ hoàn toàn bởi Hội đồng Châu Âu.

Những đề xuất trên đây đã nhận được nhiều phản ứng trái chiều từ nông dân Châu Âu. Tháng 11/2023, đề xuất về việc giảm 50% lượng phân bón sử dụng đã không được bỏ phiếu tán thành bởi Liên Minh Châu Âu. Tháng 2/2024, đề xuất về Quy định Sử dụng thuốc BVTV Bền Vững (SUR)2 đã bị rút lại hoàn toàn bởi Ủy Ban Châu Âu.

Các bên liên quan của Châu Âu cũng hoàn toàn nhận thức được rằng việc áp dụng các quy định của Thỏa thuận Xanh sẽ ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp của họ. Thông báo ban đầu của Thỏa thuận Xanh cho biết rằng Liên minh Châu Âu sẽ làm việc với các đối tác thương mại để “khuyến khích” nước họ áp dụng các quy định và yêu cầu tương tự ở cấp độ trong nước. Thông báo cũng nêu rõ rằng Châu Âu có nhận ra “sự cần thiết phải duy trì an ninh cung cấp và khả năng cạnh tranh ngay cả khi người khác không sẵn sàng hành động” và rằng họ sẽ thực hiện các nỗ lực “song phương” để lôi kéo các đối tác đi theo và đảm bảo tính tương đồng trong các chương trình hành động và chính sách.

OECD đã nhấn mạnh thêm về khả năng mất cạnh tranh này. Vào năm 2023, OECD nhận xét rằng cách tiếp cận chính sách hiện tại và sự thiếu gắn kết chính sách trong Liên minh Châu Âu về nông nghiệp – đặc biệt là việc sử dụng thuốc BVTV – có thể đang cản trở tiến trình đổi mới trong nông nghiệp. Họ lưu ý rằng không cần thiết phải cắt giảm hoặc cải thiện mức độ sử dụng các loại thuốc BVTV hiện có; điều này bao gồm các lệnh cấm đối với một số hóa chất nhất định.

Cách tiếp cận của EU đối với nông nghiệp và ảnh hưởng của nó đối với quan hệ thương mại đã gây lo ngại đáng kể cho các quốc gia xuất khẩu về tác động mà nó sẽ gây ra đối với xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu, đặc biệt là ở Đông Nam Á.

MRL của Châu Âu và bức tranh toàn cầu

2

Những điểm chính

- Việc Châu Âu áp dụng mức MRL nghiêm ngặt đối với dư lượng thuốc BVTV đối với các nông sản nhập khẩu ảnh hưởng đến các quốc gia ngoài EU trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn của EU để tiếp cận thị trường của họ.
- Chiến lược “Từ Nông trại đến Bàn ăn” của Châu Âu nhằm giảm rủi ro môi trường từ thuốc BVTV bằng cách hạ thấp MRL cho cả sản phẩm nội địa và nhập khẩu, ảnh hưởng đặc biệt đến các nhà xuất khẩu từ Đông Nam Á sang Châu Âu.
- Các quy định về thuốc BVTV của EU, bao gồm cả lệnh cấm đối với một số hoạt chất như neonicotinoids, gián tiếp thúc đẩy các nước quốc gia xuất khẩu tuân thủ các tiêu chuẩn của Châu Âu, dẫn đến các thách thức đối với các nước WTO bị ảnh hưởng bởi các điều chỉnh MRL này.

Mức dư lượng tối đa (MRL) là mức cao nhất của dư lượng thuốc BVTV được phép có trong các sản phẩm thực phẩm, cũng như thức ăn chăn nuôi khi thuốc BVTV được sử dụng đúng cách. MRL không phải là giới hạn an toàn; chúng có vai trò là như một công cụ kiểm soát để đảm bảo thuốc BVTV đã được sử dụng đúng theo khuyến cáo trên nhãn.

Các mức MRL này được đặt ra bởi các cơ quan quản lý ở cấp quốc gia và dựa trên các đánh giá khoa học và giúp tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại giữa các quốc gia. Tiêu chuẩn Codex là cơ chế cơ bản để thiết lập MRL – tiêu chuẩn này được thiết lập bởi Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO).

Việc áp dụng MRL đặc biệt liên quan đến các quốc gia ngoài Châu Âu – những nước xuất khẩu hàng hóa nông sản sang Châu Âu. Tiêu chuẩn MRL của EU yêu cầu các nhà xuất khẩu tuân thủ các mức dư lượng thuốc BVTV cụ thể để đảm bảo sản phẩm của họ đủ điều kiện vào thị trường Châu Âu.

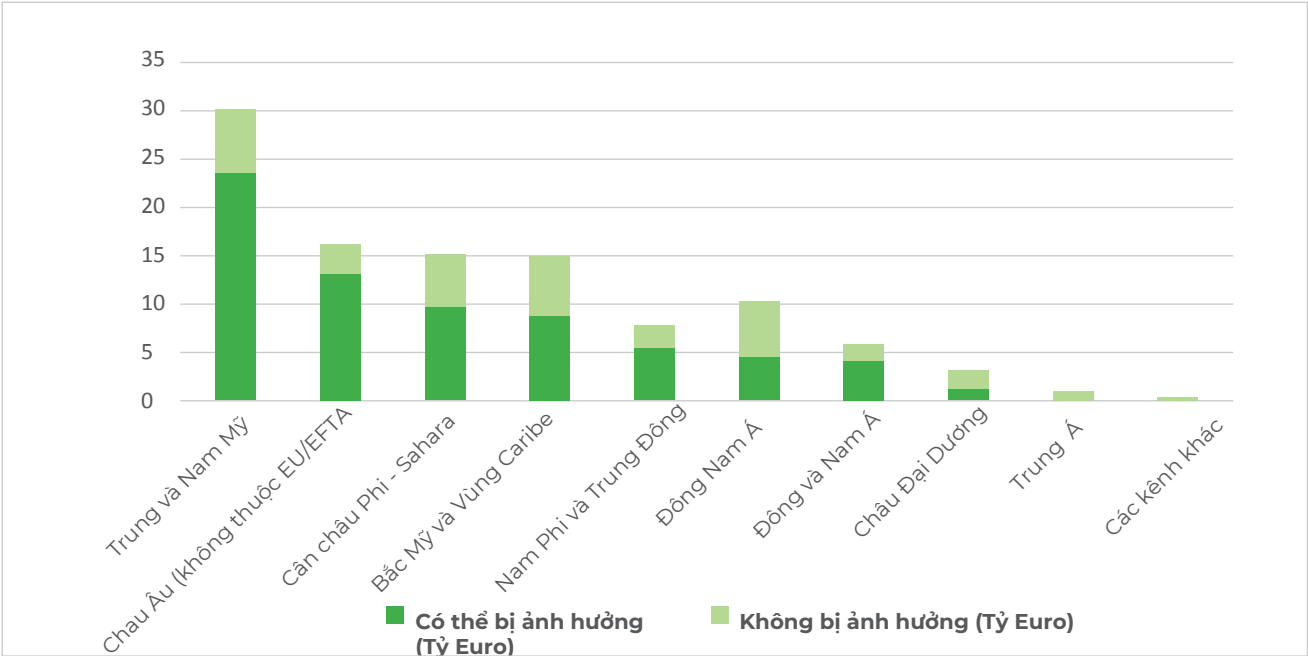
Chiến lược ‘Từ Nông trại đến Bàn ăn’ của Liên minh Châu Âu và đặc biệt là chiến lược SUR của Châu Âu đã làm gia tăng sự khác biệt về MRL của châu lục này với chuẩn quốc tế chung một cách đáng kể.

Cách tiếp cận của Thỏa thuận Xanh là nhằm giảm rủi ro về môi trường từ thuốc BVTV bằng cách giảm thiểu sự hiện diện của chúng trong Châu Âu. Tuy nhiên, việc hạ thấp các chuẩn MRL – cho cả sản phẩm sản xuất nội địa và nhập khẩu – là một vấn đề mới.

Điều này gây ra những tác động lớn đối với các quốc gia xuất khẩu hàng hóa và thực phẩm sang Liên minh Châu Âu. Đông Nam Á là một nhà xuất khẩu nông sản và thực phẩm lớn sang Liên minh Châu Âu. Gần một nửa lượng hàng xuất khẩu này có khả năng bị ảnh hưởng bởi bất kỳ thay đổi nào về MRL.

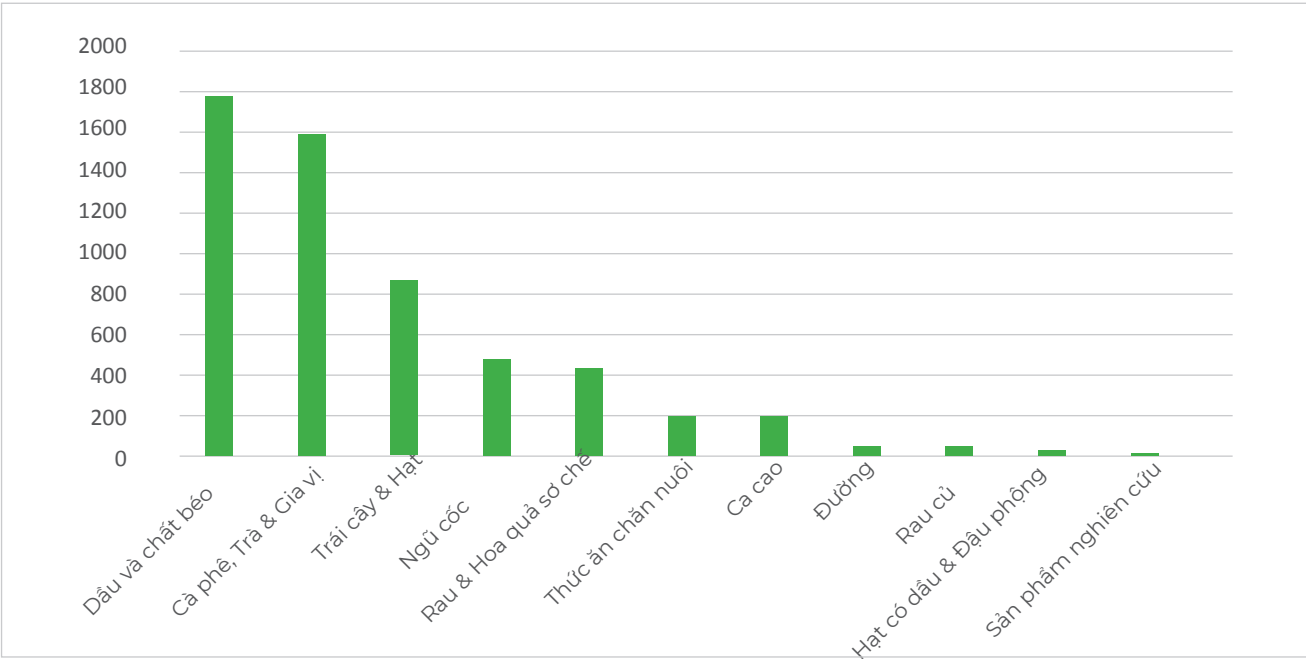


Xuất khẩu nông sản theo khu vực bị ảnh hưởng bởi quy định MRL của Châu Âu



Nguồn: Bryant Christie

Nhập khẩu nông sản theo ngành hàng bị ảnh hưởng bởi quy định MRL của Châu Âu



Nguồn: Bryant Christie

Như các biểu đồ minh họa trên, mặt hàng nông sản xuất khẩu hàng đầu từ ASEAN bao gồm dầu và chất béo; cà phê, trà và gia vị; và các sản phẩm hoa quả và hạt. Bên cạnh đó, các nước xuất khẩu hàng đầu bị ảnh hưởng là Việt Nam, Indonesia và Malaysia.

Bất chấp những đề xuất của SUR đã bị rút lại, các quy định MRL của Châu Âu vẫn tiếp tục gây tranh cãi đối với các nước xuất khẩu. Đề xuất giảm MRL từ Châu Âu đã kích hoạt nhiều phản ứng từ WTO, đặc biệt từ các nước đang phát triển và các nước có nền nông nghiệp nhiệt đới.

Ngoài chiến lược SUR, khung cấp phép đối với thuốc BVTV và hoá chất của Châu Âu cũng tạo ra tác động kép đối với MRL. 'EU's lowering' về MRLs đối với các hóa chất cụ thể có ảnh hưởng đặc biệt đến MRLs. Châu Âu có thể cấm việc sử dụng một hoá chất cụ thể - vì các mục tiêu môi trường - có thể làm điều này sử dụng các hóa chất cụ thể - cho các mục đích môi trường - trong sản xuất nông nghiệp của Châu Âu bằng cách không gia hạn giấy phép hoặc phê duyệt sử dụng hóa chất cụ thể đó.

Xét về lý thuyết, việc cấm sử dụng hóa chất cụ thể đó có thể được thực thi bằng cách không cho phép kinh doanh và sản xuất hoá chất đó hơn là áp dụng MRL lên các mặt hàng nông sản và thực phẩm lưu thông trên thị trường - điều này phần lớn không ảnh hưởng đến môi trường.

Ví dụ, năm 2018, Liên minh Châu Âu đã hoàn toàn cấm sử dụng neonicotinoids để bảo vệ quần thể ong thụ phấn trong Châu Âu. Khi ban hành lệnh cấm này, những tiêu chuẩn MRL của neonicotinoids đối với các mặt hàng nhập khẩu vẫn được duy trì. Năm 2023, mức MRLs bị hạn chế với thời hạn triển khai chính thức vào năm 2026. Quy định này đã gián tiếp cấm việc sử dụng các chất này trên nông sản tại các nước xuất khẩu nếu họ muốn tiếp tục xuất khẩu sang thị trường Châu Âu. Quyết định này sau đó đã bị đưa ra cân nhắc tại Tòa án Công lý Châu Âu (ECJ)

Trong bài Đánh giá về Chính sách Thương mại của Liên minh Châu Âu gần đây tại WTO, Ban thư ký đã ghi nhận rằng khoảng một nửa số quan ngại được nêu về vấn đề vệ sinh và kiểm dịch thực vật (SPS) do các thành viên liên quan đến MRLs.

Một số nước Đông Nam Á đã bày tỏ quan ngại đối với lệnh cấm các sản phẩm này Đông Nam Á trong khuôn khổ WTO3. Khi lệnh cấm này được đề xuất lần đầu tiên, Indonesia đã nhấn mạnh:



“Các nước không thuộc Châu Âu có khung pháp lý riêng của mỗi nước để đánh giá rủi ro đối với thuốc BVTV và việc sử dụng chúng, bao gồm các đánh giá về môi trường và đánh giá tác động lên loài thụ phấn. Mặc dù luật pháp của Châu Âu không bắt buộc các quốc gia không phải là thành viên của Châu Âu áp dụng lệnh cấm đối với clothianidin và những việc hạ mức MRL đối với các hoạt chất này về Giới hạn Phát hiện Định Lượng (LoQ) là một cách thức gián tiếp bắt buộc các nước xuất khẩu không được sử dụng hai hoạt chất này - mà không tính đến nước đó có sự khác biệt về cách thức phòng trừ dịch hại, điều này có thể dẫn tới mức dư lượng khác so với Châu Âu nhưng vẫn đảm bảo an toàn.”

Những phản ứng tương tự đối với quy định này cũng được đưa ra bởi các nước như Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc, Canada, Kenya và New Zealand - họ nhấn mạnh:

- MRL không phải là công cụ được thiết lập để quản lý an toàn về môi trường; và
- Sử dụng MRL cho những mục đích khác có thể tạo ra những hậu quả không mong muốn, làm suy yếu quá trình phát triển và ứng dụng các tiêu chuẩn quốc tế khác có liên quan.

Cách tiếp cận chính sách chung của Liên minh Châu Âu là để “xuất khẩu” quy định của họ. Các nước đối tác của châu lục này cần xem xét kỹ lưỡng trước khi đi theo cách tiếp cận của họ, vì nó có thể làm giảm năng suất, sản lượng và đổi mới, như đã được nêu trong “*Hội thảo về Tính bền vững của Hệ thống Thực phẩm ASEAN*”

Tác động của EUDR đối với việc xuất khẩu sang Châu Âu



Các điểm chính

- Quy định Chống Phá Rừng của Châu Âu (EUDR) được thông qua vào năm 2023, chính thức triển khai vào 2025, yêu cầu bắt buộc các nhà nhập khẩu phải xác nhận sản phẩm của họ, bao gồm dầu cọ và đậu tương, không góp phần vào việc phá rừng sau năm 2020.
- Các nước phát triển, cụ thể là Indonesia, đã bày tỏ quan ngại đối với những ảnh hưởng thương mại có thể có do EUDR, dự báo rằng quy định này sẽ tác động lớn đến xuất khẩu và nông hộ nhỏ.
- Mức độ phức tạp và chi phí tuân thủ pháp lý phát sinh sẽ gây ra các lo lắng lớn cho các quốc gia xuất khẩu - ước tính rằng các công ty sẽ chịu thêm gánh nặng tài chính đáng kể cũng như có thể gây ra sự sụt giảm xuất khẩu của các nước ít phát triển hơn.

Quy định về Chống Phá rừng (EUDR) được đề xuất lần đầu bởi Ủy Ban Châu Âu vào năm 2021 và được thông qua bởi các nhà lập pháp Châu Âu vào năm 2023.⁴

Quy định này nhằm ngăn chặn việc nhập khẩu các hàng hóa và sản phẩm được sản xuất từ đất do nạn phá rừng sau năm 2020. Để thực thi được điều này, các cơ quan chức năng của EU sẽ yêu cầu các nhà nhập khẩu một số sản phẩm hàng hóa và sản phẩm giới hạn (chủ yếu là dầu cọ, đậu nành, thịt bò, cà phê, ca cao, cao su và gỗ) thực hiện thẩm định bằng cách xác nhận:

- Thông tin về nguồn gốc địa lý của các hàng hóa và sản phẩm phát sinh mà họ đang nhập khẩu;
- Thông tin cho thấy đất canh tác các mặt hàng này không phải là đất do nạn phá rừng sau ngày 31 tháng 12 năm 2020; và
- Thông tin cho thấy các mặt hàng được thu hoạch hợp pháp.

Các cơ quan chức năng của EU sẽ làm việc và thông qua cơ quan hải quan ở các quốc gia thành viên để thực hiện kiểm tra và kiểm toán các hàng hóa và sản phẩm nhập khẩu. Hướng dẫn chi tiết cho việc thực thi quy định này vẫn chưa được xác định, nhưng dự kiến, quy định này sẽ có hiệu lực từ đầu năm 2025.

TÁC ĐỘNG THƯƠNG MẠI

Không có nhiều mô hình đánh giá tác động của quy định EUDR đối với các luồng thương mại được triển khai.⁵ Tuy vậy, có thể nhận thấy rõ ràng là quy định này sẽ hoạt động như một biện pháp phi thuế quan ảnh hưởng đến thương mại. Các nhà xuất khẩu từ các nước đang phát triển đã nêu lên một số lo ngại về việc áp dụng EUDR, cả trong WTO và thông qua các quy trình tham vấn với các bên liên quan của họ.

Những quan chức cấp cao của Indonesia đã bày tỏ quan ngại rằng quy định này sẽ tác động tới lượng hàng hoá xuất khẩu trị giá khoảng 6,7 tỷ đô la Mỹ của nước này vào thị trường Châu Âu; và nó sẽ tác động tới hơn 8 triệu nông dân quy mô nhỏ của các ngành hàng như cao su, gỗ, ca cao, cà phê và dầu thực vật.^{6,7}

Ngành công nghiệp cao su của Thái Lan cũng lo ngại tương tự về tác động của chính sách này lên ngành này và đang thực hiện một số sáng kiến quốc gia để cố gắng đáp ứng các chi phí liên quan tới việc tuân thủ quy định này (xem bên dưới).

Trong một lần đề trình lên WTO,⁹ Indonesia cũng lưu ý rằng các biện pháp thương mại liên quan đến môi trường và khí hậu nên hỗ trợ, thay vì cản trở, việc đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs). Quốc gia này nhấn mạnh rằng các chính sách trong nước nhằm giải quyết các vấn đề môi trường không nên tạo ra gánh nặng lên các thành viên WTO, đặc biệt là các nước đang phát triển, mà chỉ dựa trên những đánh giá lo ngại môi trường đơn phương. Indonesia kêu gọi việc phát triển và thực thi chính sách dựa trên bằng chứng khoa học và phân tích khách quan để ngăn chặn nhữn biện pháp tùy tiện có thể bị coi là bảo hộ trá hình

SỰ PHỨC TẠP VÀ CHI PHÍ TUÂN THỦ PHÁP LÝ

Các nước xuất khẩu đặc biệt lo ngại về sự phức tạp và các chi phí tuân thủ có thể phát sinh liên quan đến EUDR. Trong khi các nhà lập pháp Châu Âu đã nhấn mạnh đến việc xác minh nguồn gốc của hàng hóa ban đầu và đảm bảo rằng những khu vực canh tác sản phẩm đó này không bị phá rừng, họ đã bỏ qua những phức tạp liên quan đến chuỗi cung ứng. Những lo ngại này đã được các bên liên quan của EU nêu lên; các bộ trưởng nông nghiệp từ 20 quốc gia Châu Âu đã kêu gọi hoãn việc thực hiện¹⁰ và một liên minh các nhóm nông nghiệp và sản xuất của

Châu Âu cũng đã vận động tương tự.¹¹

Ước tính ban đầu cho thấy các công ty tại Châu Âu sẽ phải trả thêm từ 170 triệu đến 2,5 tỷ đô la Mỹ hàng năm để tuân thủ quy định này.¹² Tuy nhiên, đây là ước tính dựa trên yêu cầu tuân thủ cho các công ty Châu Âu, khác với các công ty phải theo dõi và duy trì dữ liệu trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

Một nhà xuất khẩu Indonesia ước tính rằng sẽ cần phân tích khoảng 6 triệu điểm dữ liệu cho đơn hàng dầu cọ đơn lẻ từ Indonesia đến Châu Âu vì sự phức tạp của chuỗi cung ứng. Điều này có thể làm giảm hoạt động thương mại của các nước không có khả năng đáp ứng các chi phí này; một ước tính đối với các nước kém phát triển nhất thì việc xuất khẩu sẽ giảm đi khoảng 9%.¹³

NHỮNG RỦI RO PHÁP LÝ TIẾP DIỄN

Các quan chức Indonesia cũng đã đặc biệt chỉ trích việc áp dụng quy định EUDR để thay thế Quy định Gỗ của Liên minh Châu Âu (EUTR). Quy định EUTR được Châu Âu ban hành vào năm 2013 để ngăn chặn việc nhập khẩu các sản phẩm gỗ bất hợp pháp bằng cách sử dụng một mô hình thẩm định tương tự như EUDR.¹⁴ Châu Âu đã thúc đẩy các quốc gia đang phát triển xuất khẩu gỗ ký và tuân theo các Thỏa thuận Đối tác Tự nguyện (VPA), từ đó phát triển tiêu chuẩn hợp pháp và hệ thống cấp phép xuất khẩu. VPA sẽ tạo ra “các làn đường nhanh” cho các nhà xuất khẩu, cho phép họ xuất khẩu sang EU một cách rõ ràng hơn. VPA và các tiêu chuẩn có liên quan được triển khai đầy đủ vào năm 2016 và dẫn đến việc giảm xuất khẩu một số mặt hàng gỗ nhất định từ các nước ASEAN sang Châu Âu.¹⁵

Sự thay đổi từ EUTR và VPA sang EUDR đã được các bên liên quan của Indonesia mô tả là “di chuyển các cột mốc”, đặc biệt là khiến Indonesia đầu tư khá nhiều thời gian vào việc phát triển các tiêu chuẩn.

Ví dụ này nêu bật tầm quan trọng của việc nên cân nhắc kỹ lưỡng các tiêu chuẩn của Châu Âu đối với các nước đang phát triển và cần giả định rằng những tiêu chuẩn này có đảm bảo hoặc duy trì các mục tiêu xuất khẩu trong tương lai hay không.

Chuyển đổi Chuỗi cung ứng và các Cú sốc về Giá cả

4

Các điểm chính

- Mặc dù có những căng thẳng địa chính trị và lạm phát trên toàn cầu, Đông Nam Á vẫn được xem là khu vực tương đối ổn định, cho thấy các mức tăng trưởng đột phá, trong đó Việt Nam, Indonesia và Philippines đang được kỳ vọng là các nước có thị trường mới nổi quan trọng đến năm 2035.
- ASEAN đang tăng cường kết nối thương mại thông qua các hiệp định như RCEP và CPTPP và là một đối tác quan trọng của những mặt hàng như dầu cọ, cao su và gạo - đóng góp vào khả năng thích ứng với cú sốc thương mại bất chấp các rào cản tiếp cận thị trường lớn.
- Khả năng cạnh tranh và đổi mới của ASEAN trong các lĩnh vực như nông nghiệp và cà phê là yếu tố then chốt cho tăng trưởng, mặc dù các thách thức trong các ngành như gạo và đường cần được giải quyết thông qua các cải tiến về chính sách và công nghệ.

Thế giới hiện đang trải qua một giai đoạn kéo dài của căng thẳng địa chính trị và bất ổn kinh tế lan rộng tại khắp các thị trường trên toàn cầu. Trong bối cảnh này, Đông Nam Á vẫn duy trì vị trí tương đối ổn định và đã đạt được nhiều thành tựu – nhưng không hoàn toàn miễn nhiễm – trước những căng thẳng địa chính trị ảnh hưởng đến toàn cầu.

Từ góc nhìn kinh tế, Châu Á và Đông Nam Á có khả năng là động lực tăng trưởng kinh tế của khu vực APAC trong suốt thập kỷ tới.

Cơ sở hạ tầng thương mại trong khu vực sẽ là động lực chính cho sự tăng trưởng này, khi ASEAN tăng cường những hiệp định hiện có và các nước thành viên ASEAN theo đuổi các hiệp định đa phương và song phương với các nền kinh tế ngoài khu vực. Các hiệp định này bao gồm: Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)¹⁶; Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)¹⁷; và các Hiệp định ASEAN+1 (Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc và Úc/New Zealand).

ASEAN là một nhà sản xuất và xuất khẩu lớn các mặt hàng nông sản chính – lượng xuất khẩu của khu vực này chiếm khoảng 9% tổng xuất khẩu nông sản toàn cầu. Các sản phẩm xuất khẩu chính bao gồm dầu cọ, gạo, cao su, cà phê, các sản phẩm dừa và thủy sản. Mặc dù lượng nhập khẩu của khu vực này thấp hơn, nhưng đây vẫn là khu vực nhập khẩu quan trọng của các mặt hàng ngũ cốc, đậu nành và thịt.

Mặc dù có thị phần lớn trong thương mại toàn cầu, nhưng nhiều nước ASEAN không có quyền tiếp cận ngay lập tức đến các thị trường bên ngoài khu vực. Có thể điều này sẽ chưa có những thay đổi đáng kể trong tương lai gần, đặc biệt khi sự hoài nghi đối với việc tự do hóa thương mại ở nhiều nền kinh tế lớn, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp ngày càng tăng. Hoa Kỳ đã thể hiện rõ rằng họ sẽ không đàm phán các hiệp định thương mại toàn diện trong tương lai gần; và Châu Âu đang đối mặt với những phản đối nội bộ về việc mở cửa thị trường nông sản của mình. Chủ nghĩa bảo hộ này biểu hiện qua việc gia tăng các rào cản kỹ thuật cho thương mại và nhiều biện pháp phi thuế quan khác – bao gồm cả những yêu cầu mới về tính bền vững.

Hầu hết các yếu tố này nằm ngoài tầm kiểm soát của các nước ASEAN, nhưng có hai yếu tố vẫn trong phạm vi kiểm soát của các nền kinh tế ASEAN, đó là:

Thứ nhất là khả năng cạnh tranh. Đối với từng ngành hàng cụ thể của ASEAN (ví dụ: rau quả của Philippines, dầu thực vật của Indonesia và Malaysia, cà phê và gia vị của Việt Nam), khả năng cạnh tranh của khu vực là đặc biệt cao. Tuy nhiên, hiệu suất của một số ngành hàng khác vẫn còn thấp, chẳng hạn như ngành gạo và đường của Indonesia hay đậu tương trong cả khu vực.

Việc cải thiện khả năng cạnh tranh đòi hỏi một loạt các thay đổi về chính sách và công nghệ, bao gồm nâng cao tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, cải thiện năng suất, tăng cường khả năng hội nhập thị trường toàn cầu, tạo lập chuỗi liên kết nông nghiệp tầm khu vực và giảm chi phí đầu vào.

Thứ hai, cũng liên quan đến điểm nêu trên, là đảm bảo việc đổi mới sáng tạo được duy trì trong tất cả các ngành hàng, cho phép tạo ra sản lượng tốt hơn và mở rộng khả năng cạnh tranh của khu vực.

Mô hình của Nhật Bản: Chiến lược Hệ thống Thực phẩm bền vững - MIDORI

5



Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) đã giới thiệu chiến lược MIDORI như một cách tiếp cận toàn diện để giải quyết các thách thức đa chiều đối với nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của quốc gia này.¹⁸

Trong bối cảnh gia tăng những quan ngại như suy giảm dân số, dân số già, sản xuất nông nghiệp trì trệ, suy thoái khu vực nông thôn, biến đổi khí hậu, thiên tai thường xuyên và những gián đoạn trong chuỗi cung ứng, đặc biệt trầm trọng hơn bởi đại dịch COVID-19, chiến lược MIDORI của Nhật Bản nhằm mục đích tạo ra một hệ thống lương thực bền vững và đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

Các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (AFF), mặc dù chỉ tạo ra khoảng 4% tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia (GHG), nhưng lại chiếm tới 80% tổng phát thải khí mê-tan của cả nước. Tuy vậy, đã có những bước tiến nổi bật kể từ năm 1990 khi lượng phát thải mê-tan từ sản xuất nông nghiệp đã giảm 36% - điều này cho thấy một bước tiến tới những thực hành bền vững hơn.

CÁC MỤC TIÊU VÀ BIỆN PHÁP CỦA CHIẾN LƯỢC MIDORI

Chiến lược MIDORI đã đặt ra các mục tiêu (KPI) đầy tham vọng tới năm 2050, bao gồm việc đạt được mức phát thải CO₂ bằng không từ việc đốt nhiên liệu hóa thạch trong các lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, giảm 50% lượng thuốc BVTV được chứng minh là rủi ro cao bằng cách thực hành quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và các biện pháp thay thế cải tiến; giảm 30% phân bón hoá học, mở rộng diện tích canh tác hữu cơ lên 1 triệu ha (chiếm 25% tổng diện tích đất canh tác) và cải thiện đáng kể năng suất và nguồn cung bền vững.

Các mục tiêu trung hạn đến năm 2030 đã được thiết lập để đảm bảo tiến độ cho các mục tiêu dài hạn nêu trên, trong đó các giải pháp đổi mới và công cụ chính sách xanh là cốt lõi của Chiến lược.

Cách tiếp cận và những đổi mới

Chiến lược MIDORI nhấn mạnh vào việc áp dụng đổi mới trong sự bền vững và hiệu suất, giảm gánh nặng lên môi trường và tăng cường đầu vào một cách bền vững. Những sáng kiến chủ chốt bao gồm:

- Chuyển đổi sang các phương pháp sản xuất bền vững và hiệu quả hơn, như ứng dụng drone để phun thuốc BVTV chính xác hơn và điện khí hoá các thiết bị máy móc;
- Thúc đẩy cách thức chế biến và phân phối bền vững, bao gồm sử dụng vật liệu nhập khẩu bền vững cũng như sử dụng khoa học dữ liệu và AI để nâng cao hiệu quả;
- Khuyến khích mô hình tiêu dùng bền vững bằng việc giảm thất thoát và lãng phí thực phẩm, kéo gần khoảng cách giữa người tiêu dùng và nhà sản xuất đồng thời đẩy mạnh chế độ ăn uống của người Nhật như một chế độ ăn uống cân bằng; và
- Tạo động lực cho R&D để tạo ra các nguồn lực có thể tái sử dụng và tái chế cũng như phát triển các sản phẩm sinh học chẳng hạn như sinh khối và carbon xanh



LUẬT MIDORI VÀ TIẾP CẬN TOÀN CẦU

Luật ‘MIDORI’, được ban hành vào năm 2022, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện hiện thực hoá Chiến lược bằng cách tạo ra động lực cho việc áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường. Luật này khẳng định cam kết của Nhật Bản trong việc thúc đẩy đổi mới vì sự bền vững trong các lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp.

Hơn nữa, Nhật Bản đang mở rộng tầm nhìn của mình ra toàn cầu thông qua sáng kiến MIDORI ASEAN và Nhật Bản, hợp tác với các quốc gia khác để thúc đẩy bền vững bằng việc phổ biến các công nghệ sáng tạo.

Ví dụ, Nhật Bản đang làm việc chặt chẽ với một số quốc gia thành viên ASEAN để điều chỉnh cách tiếp cận MIDORI phù hợp với tiêu chuẩn cấp quốc gia và khu vực từ các quốc gia xuất khẩu, bao gồm các quy chuẩn quốc gia về Sản xuất Dầu cọ bền vững của Malaysia (MSPO) và của Indonesia (ISPO).

Đối với tiêu chuẩn MRL, ngoài việc phối hợp với các quốc gia cung cấp thông qua MIDORI, Nhật Bản đã hợp tác chặt chẽ với các quốc gia thành viên ASEAN về MRL, bao gồm cả việc hài hòa hoá các tiêu chuẩn MRLs giữa các nền kinh tế ASEAN.

Quan trọng hơn, Nhật Bản – thông qua Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) – tiếp tục hợp tác với các quốc gia thành viên ASEAN về MRL và các vấn đề an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật khác để cải thiện chuỗi giá trị thực phẩm của khu vực.^{19 20}

Thiết lập các Hướng dẫn cho Khu vực ASEAN



Các điểm chính

Những Hướng dẫn của Khu vực ASEAN về Nông nghiệp Bền vững, được thông qua tại cuộc họp AMAF lần thứ 44, nhằm thúc đẩy phương pháp thực hành nông nghiệp bền vững, có khả năng chống chịu và công bằng tại khu vực Đông Nam Á, nhằm giải quyết các vấn đề về biến đổi khí hậu và hệ thống lương thực không bền vững.

Trong khi triển khai Hướng dẫn này cùng Kế hoạch Hành động ASEAN đi kèm, cần xem xét kỹ lưỡng bối cảnh của các nước nhiệt đới và đang phát triển; áp dụng biện pháp đối ứng với những chính sách của Châu Âu như SUR về MRL mà không tính đến những đặc thù khu vực cũng như những thay đổi chính sách gần đây của Châu Âu có thể gây ra rủi ro không cần thiết đối với an ninh lương thực khu vực.

Các phương pháp thúc đẩy tính bền vững lớn hơn trong hệ thống lương thực khu vực như Chương trình Khung Quản lý Thuốc Bảo vệ Thực vật Bền vững (SPMF) là những điển hình tốt về việc áp dụng các Hướng dẫn trong thực tiễn; SPMF và những kết quả triển khai tại Thái Lan và Việt Nam nên được tận dụng trong việc thực hiện Kế hoạch Hành động ASEAN.

Những Hướng dẫn Khu vực ASEAN về Nông nghiệp Bền vững tạo ra thêm một cơ hội để hiện thực hoá các phương pháp nông nghiệp thân thiện với môi trường, khả thi về mặt kinh tế và công bằng về mặt xã hội trên toàn Đông Nam Á.²¹

Nhận thấy vai trò quan trọng của nông nghiệp trong khu vực – không chỉ là một yếu tố quan trọng của an ninh lương thực và dinh dưỡng mà còn là một nguồn sống thiết yếu cho hàng triệu người – các Hướng dẫn này giải quyết những thách thức cấp bách như tác động của biến đổi khí hậu, hệ thống thực phẩm không bền vững và những phương thức canh tác có hại cho sức khỏe môi trường.

Việc thông qua các Hướng dẫn này là một kết quả quan trọng của cuộc họp lần thứ 44 của các Bộ trưởng Nông nghiệp và Lâm nghiệp ASEAN (AMAF) vào ngày 25 tháng 10 năm 2022. Cuộc họp đã nhấn mạnh sự cần thiết của một cách tiếp cận sản xuất thực phẩm có khả năng phục hồi và tuần hoàn; sau đó đi đến sự đồng thuận để áp dụng và triển khai các Hướng dẫn này thông qua một Kế hoạch Hành động toàn diện

Phạm vi của các Hướng dẫn vượt ra ngoài canh tác truyền thống, bao gồm cả nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi, ủng hộ sử dụng kết hợp các nguồn năng lượng tái tạo. Quan điểm toàn diện này thúc đẩy tính tổng hòa giữa các thành phần nông nghiệp khác nhau – nông dân, đầu vào, đất trồng, nước, và môi trường – nhằm tạo ra sự bền vững không chỉ cho cơ sở canh tác nông nghiệp mà còn cho các cộng đồng và nền kinh tế mà chúng hỗ trợ.

Trung tâm của Hướng dẫn là một tập hợp các mục tiêu được thiết kế để thúc đẩy tính bền vững và an ninh trong nông nghiệp. Những mục tiêu này đã nêu bật tầm quan trọng của các chính sách bền vững, xây dựng cơ chế chuyển đổi từ chính sách sang thực tiễn, hướng dẫn áp dụng các phương pháp canh tác bền vững và thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan trong phát triển nông nghiệp bền vững.

Những nguyên tắc chính bao gồm: hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, tăng cường sinh kế nông thôn, khả năng phục hồi hệ sinh thái và quản trị hiệu quả hỗ trợ các mục tiêu này, đảm bảo một cách tiếp cận cân bằng đối với phát triển nông nghiệp.

Kế hoạch Hành động ASEAN về Nông nghiệp Bền vững, được phát triển đồng thời với các Hướng dẫn, đưa ra một loạt các sáng kiến chiến lược nhằm thúc đẩy việc áp dụng rộng rãi các phương thức canh tác bền vững, khôi phục hệ sinh thái, trao quyền cho nông dân quy mô nhỏ và xây dựng năng lực thông qua tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật.

Kế hoạch này được cấu trúc theo các chiến lược ngắn hạn (0-2 năm), trung hạn (2-5 năm) và dài hạn bao gồm các hoạt động nâng cao nhận thức và giáo dục, đổi mới chính sách, áp dụng các hệ thống thực phẩm tuần hoàn, phát triển cơ sở hạ tầng, và đổi mới công nghệ nông nghiệp bền vững.

Việc phát triển Kế hoạch Hành động trước tiên và chủ yếu cần xem xét bối cảnh địa phương và khu vực, cũng như các quy tắc quốc tế.”

Ví dụ, khi phần lớn hoạt động nông nghiệp ASEAN diễn ra trong vùng nhiệt đới, việc đảm bảo rằng bất kỳ và tất cả chính sách có liên quan phù hợp với bối cảnh này là rất quan trọng. Khí hậu nhiệt đới của các nước Đông Nam Á tạo điều kiện cho nhiều loại dịch hại và bệnh phát triển nhanh chóng. Do đó, đảm bảo có đủ những công cụ kiểm soát dịch hại và cỏ dại thích hợp là rất quan trọng để duy trì sinh kế cho nông dân. Tương tự, việc quản lý chất dinh dưỡng trong đất sẽ là trở ngại lớn trong điều kiện khí hậu nhiệt đới do lượng mưa lớn và qua trình phân hủy chất hữu cơ nhanh chóng.

Trong bối cảnh này, cách tiếp cận Thỏa thuận Xanh của Châu Âu nhằm giảm sử dụng thuốc BVTV và hóa chất có thể không phù hợp. Đồng thời cũng cần xem xét bối cảnh của các nước đang phát triển. Các quốc gia EU và những nền kinh tế phát triển có hệ thống khuyến nông tiên tiến, cơ sở hạ tầng phù hợp, hệ thống tiêu hiệu quả và thị trường đầu vào cạnh tranh. Do đó, việc giới thiệu hoặc duy trì các kỹ thuật canh tác đòi hỏi nhiều lao động, kiến thức/kỹ năng kỹ thuật, v.v., có thể không phù hợp.

Trong khuôn khổ các Hướng dẫn này, cần lưu ý có một kiến nghị về việc điều chỉnh các quy định của khu vực phù hợp với đề xuất của Châu Âu như quy định SUR đối với MRL.22 số có đề xuất nào cho tất cả các quy định trong khu vực đối với các đề xuất của EU như SUR hoặc MRLs. Có tham chiếu cụ thể đến việc giảm và thay thế việc sử dụng HHPs, thuốc BVTV phổ rộng và neonicotinoids trong nông nghiệp ASEAN. Ngoài ra, các Bộ trưởng Nông nghiệp và Lâm nghiệp ASEAN (AMAF) tại cuộc họp năm 2023 đã đưa ra tuyên bố kêu gọi loại bỏ việc sử dụng HHPs.

Trong những trường hợp này, định nghĩa về HHPs nên tuân theo các định nghĩa quốc tế, như được xác định trong các hướng dẫn FAO/WHO và tận dụng các tiêu chí HHPs được thiết lập bởi Cuộc họp Chung về Quản lý Thuốc Bảo vệ Thực vật (JMPM) của FAO/WHO.

Cần có một cách tiếp cận thực dụng hơn hướng tới việc quản lý thuốc BVTV bền vững hơn trong khu vực mà không nhất thiết đe dọa đến an ninh lương thực ở Đông Nam Á. Một trong những cách tiếp cận như vậy là sáng kiến Khung Quản lý Thuốc Bảo vệ Thực vật Bền vững (SPMF).

CropLife International đã ra mắt một dự án nổi bật – SPMF - thể hiện cam kết bền vững vào năm 2021. Sáng kiến này hiện đang được triển khai tại Thái Lan và Việt Nam. Mục tiêu của SPMF nhằm đẩy mạnh việc thực hiện Bộ Quy tắc Quốc tế về Quản lý Thuốc Bảo vệ Thực vật thông qua một chương trình đa diện tích hợp triển khai thực hành quản lý tốt, xây dựng năng lực cho hoạt động pháp lý và quản lý sản phẩm, hợp tác kỹ thuật chia sẻ thông tin nhằm đẩy mạnh khung quản lý thuốc BVTV một cách bền vững.

Quan trọng hơn, SPMF cho thấy chiến lược tiếp cận toàn diện hơn thông qua 3 trụ cột chính: 1) giảm sự phụ thuộc vào các chất HHP và tạo ra sự thay đổi, 2) tăng cường ứng dụng đổi mới và 3) sử dụng bền vững và hiệu quả thuốc BVTV. Cách tiếp cận tích hợp này đã được đón nhận tích cực qua các thảo luận tại khu vực ASEAN nhằm hướng dẫn phát triển chiến lược chuyển đổi bền vững trong khu vực dựa trên nhu cầu và điều kiện về nông nghiệp và kinh tế xã hội tại địa phương. Một yếu tố đặc biệt quan trọng là kinh nghiệm từ SPMF ở Thái Lan và Việt Nam, cũng như các bài học từ sáng kiến này, có thể được tận dụng như một phần của Kế hoạch Hành động của Hướng dẫn.

Biến đổi Khí hậu và Trung hoà Carbon

Các điểm chính

Biến đổi khí hậu gây ra đe dọa nghiêm trọng đối với sản xuất nông nghiệp Đông Nam Á. Các hiện tượng thời tiết cực đoan từ năm 2000 đến 2019 đã dẫn đến tổn thất nông nghiệp khoảng 10,21 tỷ USD trong khu vực. Dự báo những tác động này sẽ tiếp tục diễn biến xấu hơn.

Mỗi loại cây trồng sẽ đối mặt với những thách thức khác nhau: ví dụ năng suất lúa gạo suy giảm do nhiệt độ cao và nhiễm mặn; sản xuất dâu tằm dễ bị ảnh hưởng bởi các bệnh do vi khuẩn (BSR) khi thời tiết thay đổi; năng suất cao su bị ảnh hưởng bởi yếu tố môi trường tác động lên khả năng tạo mủ; tăng mức độ thích ứng của mía đường với các giống chịu hạn và năng suất cao.

Đi theo các lệnh cấm thuốc BTV của Châu Âu mà không đánh giá kỹ những thách thức thời tiết đặc thù cũng như sự cần thiết trong việc tăng cường khả năng chống chịu cho ngành nông nghiệp sẽ có thể tạo ra những cản trở cho việc duy trì năng suất cây trồng và quản lý dịch hại của khu vực Đông Nam Á.

Biến đổi khí hậu là mối đe dọa đáng kể đối với năng suất nông nghiệp ở Đông Nam Á. Khu vực này, nơi sinh sống của hơn 640 triệu người, chứa đựng nhiều yếu tố dễ bị tổn thương do đường bờ biển trải dài và mật độ dân số cao – khiến khu vực này rất dễ bị ảnh hưởng bởi các điều kiện thời tiết khắc nghiệt và mực nước biển dâng cao do hiện tượng ấm lên toàn cầu.

Các sự cố thời tiết cực đoan giữa các năm 2008 và 2018 đã khiến thất thoát giá trị sản xuất nông nghiệp khoảng 21 tỷ đô la Mỹ trong khu vực.²³

Việt Nam, Thái Lan và Philippines là những nền kinh tế bị tác động mạnh mẽ nhất bởi khí hậu thay đổi trên toàn cầu.

Nếu không có những thay đổi rõ rệt về năng suất và đổi mới công nghệ, năng suất lúa gạo trong khu vực được dự đoán là sẽ giảm đi khoảng 15% kể từ năm 2040,²⁴ Philippines, Thái Lan và Việt Nam cũng được dự đoán có sự sụt giảm năng suất khoảng 50% tới năm 2100 so với mức năng suất ghi nhận được vào năm 1990.²⁵

Nhiệt độ tăng ở mức vừa phải vẫn có thể gây ra bất lợi đối với năng suất cây trồng – đặc biệt đối với các cây lấy hạt và ngũ cốc – tại khu vực đất thấp. Nhiệt độ tăng cũng làm tăng nguy cơ bay hơi và ngưng tụ nước, tác động của hiện tượng là khác nhau tại khu vực Đông Nam Á. Trong khi, nguồn nước sẵn có được kỳ vọng sẽ tăng lên tại các khu vực vĩ độ cao và nhiệt đới ẩm, thì ở những khu vực nhiệt đới khô hạn có vĩ độ trung bình, nguồn nước sẽ bị giảm sút.²⁶ Những khu vực vốn dễ bị hạn hán có thể sẽ phải tiếp tục hứng chịu tình trạng khô hạn tăng cường và kéo dài hơn.

Biến đổi khí hậu cũng ảnh hưởng đến hành vi và mức độ phân bố của côn trùng và dịch hại, từ đó dẫn tới sự sụt giảm về sản lượng cây trồng. Thêm vào đó, sự khác biệt ngày càng cao về điều kiện thời tiết cùng với tần suất và mức độ nghiêm trọng ngày càng gia tăng của các sự kiện thời tiết cực đoan như hạn hán và lũ lụt, cũng sẽ gây ra nhiều tác động tiêu cực lên sản lượng nông nghiệp.



Đối với từng loại cây trồng, những thay đổi này gây ra các tác động rõ rệt như:

- Lúa gạo:** Mức độ dễ bị tổn thương của cây lúa đối với các loại dịch hại, bao gồm bệnh bạc lá, sẽ ngày càng trầm trọng hơn do những yếu tố liên quan tới thời tiết như mức độ nhiễm mặn gia tăng. Ví dụ, một nhiễm mặn tại Việt Nam đã khiến 270,000 ha lúa nước bị phá huỷ, gây ra thiệt hại kinh tế khoảng 455 triệu đô la Mỹ. Thêm vào đó, tại Philippines, người ta cũng dự đoán rằng khi nhiệt độ cứ tăng mỗi 1oC, thì năng suất lúa sẽ giảm đi 10%. Lý do là nhiệt độ tăng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các loại nấm bệnh trên cây phát triển và lan rộng. Mức độ dễ bị tổn thương của cây lúa đối với các loại dịch hại, bao gồm bệnh bạc lá, sẽ ngày càng trầm trọng hơn do những yếu tố liên quan tới thời tiết như mức độ nhiễm mặn gia tăng. Ví dụ, một nhiễm mặn tại Việt Nam đã khiến 270,000 ha lúa nước bị phá huỷ, gây ra thiệt hại kinh tế khoảng 455 triệu đô la Mỹ. Thêm vào đó, tại Philippines, người ta cũng dự đoán rằng khi nhiệt độ cứ tăng mỗi 1oC, thì năng suất lúa sẽ giảm đi 10%. Lý do là nhiệt độ tăng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các loại nấm bệnh trên cây phát triển và lan rộng.²⁷
- Dầu cọ:** Tỷ lệ mắc bệnh thối rễ (BSR) có liên quan chặt chẽ đến việc giảm đáng kể khu vực khí hậu phù hợp cho việc trồng cọ; điều này gây mất bền vững cho ngành công nghiệp cọ dầu sau năm 2050. Sự gia tăng BSR này chủ yếu là do khả năng thích ứng của mầm bệnh cao hơn so với khả năng thích ứng của cây cọ dầu với những thay đổi của khí hậu. Tình hình còn trở nên trầm trọng hơn khi cây trồng phải chịu thêm những căng thẳng do lượng mưa quá nhiều, dẫn đến cây bị giảm sức đề kháng chống lại sự tấn công của nấm và tạo điều kiện cho mầm bệnh lây lan. Ở Malaysia, người ta đã quan sát thấy mối tương quan (tiêu cực) mạnh mẽ giữa nhiệt độ trung bình hàng năm, mực nước biển dâng và năng suất cọ dầu. Cụ thể, nhiệt độ tăng từ 1°C đến 4°C có thể dẫn đến giảm đáng kể sản lượng cọ dầu, dao động từ 10% đến 41%.
- Cao su:** Tỷ lệ mắc bệnh và năng suất của cao su bị tác động bởi các yếu tố môi trường như nhiệt độ tăng, hạn hán và lượng mưa lớn. Cụ thể, các bệnh liên quan đến Phytophthora phổ biến hơn khi lượng mưa quá nhiều. Thêm vào đó, quá trình khai thác mủ cao su, một giai đoạn quan trọng trong quá trình canh tác cao su, sẽ bị ảnh hưởng bất lợi nếu có bất cứ điều kiện nào hạn chế khả năng hấp thụ nước của cây, chẳng hạn như hạn hán và nhiệt độ tăng cao. Hạn chế về khả năng hấp thụ nước này trực tiếp cản trở khả năng tạo mủ của cây, dẫn đến những hậu quả kinh tế đáng kể.
- Mía đường:** Điều kiện khí hậu ảnh hưởng đáng kể đến sản xuất mía khi đỉnh nhiệt độ cao hơn sẽ tác động tiêu cực tới năng suất; trong khi lượng mưa tăng có liên quan đến năng suất được cải thiện. Để giảm thiểu tác động của hiện tượng nóng lên toàn cầu và hạn hán, Thái Lan đang tập trung phát triển các giống mía chịu hạn có khả năng chịu đựng tình trạng thiếu nước đáng kể. Đồng thời, Indonesia đang thúc đẩy lĩnh vực nông nghiệp của mình bằng cách lai tạo ra các giống mía mới, năng suất cao như một phần trong nỗ lực cải tiến cây trồng.

Đảm bảo khả năng phục hồi khi đối mặt với những mối đe dọa từ biến đổi khí hậu là rất quan trọng, đặc biệt khi nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Đông Nam Á và trước những thay đổi về nhân khẩu học nhanh chóng. Do đó, việc đi theo xu hướng quản lý của Châu Âu về việc cấm một số loại thuốc BTVT mà không tính đến các mối đe dọa do biến đổi khí hậu tạo ra - và các mục tiêu phát triển bền vững rộng hơn trong khu vực - sẽ nảy sinh rất nhiều vấn đề.

Đổi mới và Đảm bảo Bền vững



Các điểm chính

- Chuyển đổi các hệ thống nông nghiệp-thực phẩm để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và thâm hụt tài nguyên đòi hỏi những cách tiếp cận có chiến lược, phù hợp với bối cảnh và được điều chỉnh riêng theo tình hình của mỗi quốc gia đồng thời tận dụng các lợi ích của đổi mới và khoa học trong việc thúc đẩy bền vững.
- Chiến lược Khoa học và Đổi mới của FAO khuyến khích ứng dụng khoa học và đổi mới để thúc đẩy hệ thống thực phẩm-nông nghiệp hiệu quả, toàn diện, có khả năng chống chịu và bền vững hơn; từ đó tạo ra sản lượng tốt hơn và đáp ứng với các mục tiêu SDGs về dinh dưỡng, môi trường và cuộc sống.
- Đổi mới trong nông nghiệp nên đa dạng, có chi phí hợp lý và bền vững, bao gồm từ các giải pháp số hoá để phân phối thực phẩm cho tới các công nghệ canh tác tiên tiến và giải pháp chỉnh sửa gen. Các giải pháp này sẽ giúp đảm bảo khả năng tiếp cận thực phẩm nhưng không thoả hiệp với thu nhập của nông dân hay yêu cầu của các nền kinh tế đang phát triển.

Cả nông nghiệp và hệ thống nông nghiệp-thực phẩm đều là những yếu tố đóng góp cho những vấn đề này và đều bị tác động ngược bởi chúng. Chuyển đổi hệ thống nông nghiệp-thực phẩm đòi hỏi những cách tiếp cận có chiến lược, phù hợp với bối cảnh và được điều chỉnh riêng theo tình hình thực tiễn của từng nước để giải quyết tính cấp bách của biến đổi khí hậu và sự hao hụt tài nguyên thiên nhiên hiện nay. Mọi chuyển đổi đều cần được lên kế hoạch tổng thể và dựa trên những hiểu biết chắc chắn về lợi ích và rủi ro khi áp dụng đối với mỗi quốc gia; đồng thời chiến lược của quốc gia này không thể áp dụng giống hệt tại các quốc gia hay khu vực khác.

Dân số tăng tại các nước đang phát triển, nông nghiệp nhiệt đới và biến đổi khí hậu – trước những áp lực về xã hội, kinh tế và môi trường – đang đòi hỏi những cách tiếp cận mới và sáng tạo để hướng tới phát triển bền vững. Ứng dụng đổi mới và khoa học để giải quyết những thách thức này phải được đặt lên hàng đầu khi tiếp cận tới tính bền vững.

Cả đổi mới và khoa học đều luôn vận động và tiến triển không ngừng, điều này tạo ra một con đường mới để đạt được các mục tiêu SDGs. Chúng ta đã chứng kiến những bước tiến nổi bật trong nhiều kỷ nguyên về khoa học và công nghệ, trong đó có: công nghệ sinh học (CNSH), ứng dụng công nghệ hạt nhân trong ngành thực phẩm và nông nghiệp, số hoá, công nghệ nano, dữ liệu lớn (big data), phân tích, trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (machine learning) cũng như những cải tiến trong lĩnh vực sinh thái học, nông học, xã hội học nông thôn và những cách tiếp cận mới đối với sinh thái nông nghiệp, nông lâm kết hợp, đặc biệt trong bối cảnh các thách thức của biến đổi khí hậu.

Các đổi mới về nông nghiệp như công nghệ sinh học, kỹ thuật chỉnh sửa gen đang giúp giải quyết những thách thức liên quan tới thực phẩm mà chúng ta đang phải đối mặt. Ví dụ các sản phẩm công nghệ sinh học ứng dụng trong nông nghiệp bao gồm: ngô kháng sâu, gạo vàng và cà tím kháng sâu... Những kỹ thuật gần đây trong việc đổi mới lai tạo giống cây trồng (PBI) bao gồm công nghệ chỉnh sửa (CRISPR/ Cas 9, công nghệ đột biến định hướng điểm và cisgenesis).

Cây trồng CNSH đã giúp tăng năng suất cây trồng bằng cách tạo ra các giống cây kháng sâu và chống chịu thuốc trừ cỏ. Ví dụ, trong giai đoạn 1996 – 2020, áp dụng công nghệ kháng sâu áp dụng trên cây ngô đã giúp tăng năng suất lên 17% so với cây trồng thường. Cà tím kháng sâu có năng suất cải thiện từ 17 – 26% tại Bangladesh và giúp làm giảm lượng thuốc BVTV cần sử dụng.²⁸

Trong khi đó, PBI có thể giúp giải quyết những thách thức của nông nghiệp toàn cầu và mang lại lợi ích cho người tiêu dùng, nông dân và môi trường khi cho phép canh tác nhiều hơn trên cùng diện tích đất, sản phẩm thu hoạch được dồi dào và đảm bảo hơn cũng như thực phẩm tới tay người tiêu dùng có chất lượng đồng đều và tươi ngon lâu hơn. Chuối không thâm được tạo ra bằng các công nghệ PBI là một sản phẩm tương đối mới và đã được phê duyệt canh tác tại Philippines gần đây. Cây trồng này tiềm năng giúp giảm phát thải khí nhà kính cũng như giảm mức độ lãng phí thực phẩm khoảng 25%.²⁹

Chiến lược Khoa học và Đổi mới của FAO cũng đưa ra những tầm nhìn và mục tiêu dưới góc độ vĩ mô hơn và vai trò của khoa học và đổi mới đã được khẳng định rõ:

Tầm nhìn mà Chiến lược này hướng tới là một thế giới không còn đói nghèo, nơi tiềm năng của khoa học và đổi mới được phát huy tối đa để vượt qua những trở ngại và phức tạp về xã hội, kinh tế và môi trường của các hệ thống nông nghiệp-thực phẩm theo cách thức công bằng, bao quát và bền vững ở phạm vi toàn cầu.

Mục tiêu cho các Thành viên đó là khai thác tối đa các lợi ích của khoa học và đổi mới để hiện thực hoá những giải pháp có tính bối cảnh đặc thù và có hệ thống, giúp vận hành hệ thống nông nghiệp-thực phẩm của mỗi nước một cách hiệu quả, bao quát, có khả năng chống chịu và bền vững hơn, mang lại sản lượng tốt hơn, dinh dưỡng tốt hơn, môi trường tốt hơn và cuộc sống tốt hơn – nơi không một ai bị bỏ lại phía sau – hướng tới chương trình Phát triển bền vững tới năm 2030.³⁰

Khoa học được xác định là nửa đầu tiên trong cách tiếp cận của FAO và điều này là đặc biệt phù hợp trong việc triển khai Chiến lược cũng như trong việc thúc đẩy và nắm bắt các hệ thống nông nghiệp-thực phẩm trong bối cảnh quốc gia và khu vực. Các khía cạnh chính bao gồm:

- Tiến hành những nghiên cứu, phân tích và đánh giá dựa trên khoa học và bằng chứng, tại các cấp độ toàn cầu – châu lục – khu vực và quốc gia về tất cả những vấn đề cần giải quyết của các hệ thống nông nghiệp-thực phẩm.
- Tiến hành những phân tích dự báo để đưa ra những kịch bản thay thế khác nhau trong tương lai liên quan tới những hệ thống nông nghiệp-thực phẩm bền vững với góc nhìn hướng tới an ninh lương thực.
- Phát triển và thúc đẩy các công cụ, mô hình và phương pháp để xác nhận lại những đánh giá, theo dõi, dự báo sớm, thẩm định, lên kế hoạch và dự báo.
- Hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và các bên liên quan trong chuỗi nông nghiệp-thực phẩm phát triển chính sách, chiến lược và chương trình hành động dựa trên các bằng chứng khoa học.

Nói cách khác, những đánh giá dựa trên bằng chứng khoa học để xác nhận lại việc ứng dụng các giải pháp và công nghệ đổi mới là vô cùng quan trọng. Đổi mới trong bối cảnh nông nghiệp và nông nghiệp-thực phẩm rất rộng. Đối với khâu phân phối thực phẩm, đổi mới có thể là các cải tiến số hoá nhằm cải thiện hiệu quả lưu thông hàng hoá trên thị trường và thanh toán cho nông dân hay những giải pháp giúp kiểm tra mức độ an toàn và truy xuất nguồn gốc của thực phẩm.

Tại khâu sản xuất, đổi mới có thể rất đa dạng. Một mặt nó có thể là các chương trình tập huấn cho nông dân giúp họ nắm bắt và sử dụng hiệu quả các công cụ mới, tiên tiến hơn để giảm bớt nguyên liệu đầu vào và tiết kiệm chi phí. Mặt khác nó cũng có thể là việc sử dụng công nghệ chỉnh sửa gen hoặc các giải pháp BVTM mới trong hệ thống canh tác nông nghiệp-thực phẩm. Nhưng tất cả các giải pháp này đều cần hướng tới phát triển bền vững, và trên tất cả, đảm bảo rằng dân số trên toàn cầu có thể tiếp cận kịp thời nguồn thực phẩm và dinh dưỡng khi họ cần.

Do đó, những giải pháp đó cần phải có chi phí hợp lý. Không chỉ ở việc chúng không làm gia tăng chi phí đầu tư nguồn lực đầu vào, mà còn ở việc chúng cũng sẽ không làm giảm thu nhập của nông dân khi hiệu quả sản xuất bị thấp hơn. Việc đánh đổi là không thể chấp nhận được cho cả nông dân sản xuất quy mô nhỏ lẫn nông dân ở các nền kinh tế phát triển đang đối mặt với những thay đổi về nhân khẩu học và môi trường.



Tóm tắt và Kết luận

9



Nông nghiệp tại khu vực Đông Nam Á đang đối mặt với hàng loạt thách thức và áp lực để phát triển bền vững – những áp lực này hoàn toàn khác với những áp lực của các nước phương Tây và nước phát triển.

Nhiều dự báo cho thấy, tốc độ gia tăng dân số của khu vực Đông Nam Á sẽ vượt qua Liên Minh Châu Âu khi có thêm khoảng 30 triệu người đến năm 2030. Đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu thực phẩm của lượng dân số tăng thêm này cũng như khả năng tiếp cận thực phẩm một cách đáng tin cậy cho toàn bộ dân số khu vực là vô cùng quan trọng và đòi hỏi ngành nông nghiệp phải trở nên hiệu quả và tiên tiến hơn.

Ngành nông nghiệp đối mặt với những thách thức lớn từ biến đổi khí hậu khi nó đe dọa tới mùa màng, tăng rủi ro cho sản xuất do bão lũ và hạn hán; đồng thời khiến côn trùng, bệnh hại và cỏ dại phát tán mạnh mẽ hơn. Những thách thức này còn gây khó khăn hơn cho những nền nông nghiệp nhiệt đới – nơi có bản chất và yếu tố tác động rất đặc thù.

Thêm vào đó, khu vực Đông Nam Á có tỷ lệ diện tích đất canh tác trên đầu người rất thấp. Ước tính mỗi người có khoảng 0.35 ha – thấp hơn khá nhiều so với mức trung bình chung trên toàn cầu 0.6ha.³¹ Những áp lực về nguồn lực sẽ ngày càng trầm trọng hơn khi dân số tăng nhanh và các tác động khí hậu vẫn tiếp diễn. Đảm bảo năng suất và tính bền vững trong khu vực do đó rất quan trọng.

Cùng lúc đó, rất nhiều nền kinh tế Đông Nam Á đang duy trì định hướng đẩy mạnh xuất khẩu và xuất khẩu nông sản là cấu phần quan trọng nhất trong lộ trình phát triển kinh tế của các nước này. Điều này được thể hiện rất rõ qua từng ngành hàng ví dụ như cà phê (Việt Nam), dầu cọ/ dầu thực (Indonesia và Malaysia), và hoa quả (Philippines). Cũng cần nhấn mạnh thêm rằng Việt Nam là nhà sản xuất cafe lớn thứ 2 trên thế giới và khu vực Đông Nam Á là nơi xuất khẩu nhiều nhất dầu thực vật – đóng vai trò quan trọng trong thị trường cung ứng toàn cầu.

Có những áp lực, đặc biệt từ các nước phát triển, đối với khu vực Đông Nam Á trong việc áp dụng những cách tiếp cận bền vững về quản lý hoá chất và chống nạn phá rừng

- Một số cách tiếp cận không phù hợp với bối cảnh về kinh tế, xã hội và môi trường trong khu vực và tại mỗi nước;
- Những nỗ lực giải quyết các vấn đề môi trường theo cách tiếp cận đó không khả thi khi áp dụng tại khu vực Đông Nam Á; và
- Cản trở khu vực tiếp cận những giải pháp nông nghiệp tiên tiến khác trong khi những giải pháp đó vừa giúp tăng mức độ chống chịu với biến đổi khí hậu cũng như đảm bảo tính bền vững khi nhu cầu thực tế ngày càng tăng.

Những rủi ro dễ nhận thấy của những cách tiếp cận này đó là năng suất nông nghiệp sẽ sụt giảm, đe dọa tới những mục tiêu bền vững cao hơn trong khu vực.

Giải pháp quan trọng đó là cách cách tiếp cận nông nghiệp cần được thiết kế dựa theo và hỗ trợ cho bối cảnh bền vững của từng khu vực.

Nguồn tham khảo

¹European Commission. (2019). Communication from the Commission to the European Parliament, the Council, the European Economic and Social Committee and the Committee of the Regions. Retrieved from <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=COM%3A2019%3A640%3AFIN>

²European Parliament. (n.d.). Sustainable Use of Pesticides – Revision of the EU Rules. Retrieved from <https://www.europarl.europa.eu/legislative-train/spotlight-JD22/file-sustainable-use-of-pesticides-%E2%80%93-revision-of-the-eu-rules>

³World Trade Organization. (2023). Document. Retrieved from <https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/SS/directdoc.aspx?filename=q:/G/TBT/M89.pdf&Open=True>

⁴European Union. (2023). Regulation (EU) 2023/1115 of the European Parliament and of the Council. Retrieved from <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32023R1115>

⁵Research Centre International Economics. (2024). FIW Research Report 2024/02. Retrieved from <https://www.fiw.ac.at/wp-content/uploads/2024/02/FIW-RR-02-24.pdf>

⁶Article Title. Retrieved from <http://ijop.id/index.php/ijop/article/view/69/51>

⁷Mongabay. (2023). Palm oil giants Indonesia, Malaysia start talks with EU over deforestation rule. Retrieved from <https://news.mongabay.com/2023/09/palm-oil-giants-indonesia-malaysia-start-talks-with-eu-over-deforestation-rule/>

⁸https://www.matichon.co.th/foreign/news_4173622

⁹ World Trade Organization. (n.d.). Documents List. Retrieved from https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/FE_Search/FE_S_S009-DP.aspx?language=E&CatalogueIdList=303152,297927,294862,293610,292505,288420,284929,280275,276015,274828&CurrentCatalogueIdIndex=4&FullTextHash=&HasEnglishRecord=True&HasFrenchRecord=True&HasSpanishRecord=True

¹⁰EurActiv. (2023). Agriculture ministers push to weaken anti-deforestation rules for EU farmers. Retrieved from <https://www.euractiv.com/section/agriculture-food/news/agriculture-ministers-push-to-weaken-anti-deforestation-rules-for-eu-farmers/>

¹¹FEDIOL. (Year). Title of the document. Retrieved from [https://www.fediol.eu/data/President_Khattabi-Joint_cross_sector_coalition_letter_on_EUDR_implementation.pdf](https://www.fediol.eu/data/President_Khattabi-Joint_cross_sector_coalition_letter_on_EUDR_implementation.pdf)

¹²S&P Global. (n.d.). Global Impact of the EU's Anti-Deforestation Law. Retrieved from <https://www.spglobal.com/esg/insights/featured/special-editorial/global-impact-of-the-eu-s-anti-deforestation-law>

¹³[resrep55175.pdf \(jstor.org\)](https://www.jstor.org/stable/55175)

¹⁴Comparing the former EUTR and upcoming EUDR: Some implications for private sector and authorities - ScienceDirect

¹⁵Kim, K.-D., Shim, G., Choi, H.-I., & Kim, D.-H. (2023). Effect of the Timber Legality Requirement System on Lumber Trade: Focusing on EUTR and Lacey Act. *Forests*, 14(11), 2232. <https://doi.org/10.3390/f14112232>

- ¹⁶Incorporating ASEAN, China, Japan, South Korea, Australia and New Zealand, the agreement covers nearly a third of global output;
- ¹⁷Southeast Asian members include Vietnam, Singapore, Malaysia and Brunei, and the agreement, although smaller than RCEP, has significant liberalisation commitments;
- ¹⁸Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries, Japan. (n.d.). Environmental Policies. Retrieved from https://www.maff.go.jp/e/policies/env/env_policy/meadri.html
- ¹⁹Japan International Cooperation Agency. (n.d.). Report PDF. Retrieved from <https://openjicareport.jica.go.jp/pdf/12375432.pdf>
- ²⁰Japan International Cooperation Agency. (n.d.). Report PDF. Retrieved from <https://openjicareport.jica.go.jp/pdf/12358297.pdf>
- ²¹ASEAN. (2023). ASEAN Regional Guidelines for Sustainable Agriculture. Retrieved from https://asean.org/wp-content/uploads/2022/10/2023_App-1.-ASEAN-Regional-Guidelines-for-Sustainable-Agriculture_adopted.pdf
- ²²The EU withdrew the SUR in early 2024.
- ²³Sundram, P. (2023). Food security in ASEAN: Progress, challenges and future. *Frontiers in Sustainable Food Systems*, 7. <https://doi.org/10.3389/fsufs.2023.1260619>
- ²⁴Muhammad Habib-Ur-Rahman et al. (2022). Impact of climate change on agricultural production; Issues, challenges, and opportunities in Asia. *Frontiers in Plant Science*, 13, Article 925548. <https://doi.org/10.3389/fpls.2022.925548>
- ²⁵Green Climate Fund. (n.d.). FAO-Thailand Multicountry. Retrieved from <https://www.greenclimate.fund/sites/default/files/document/fao-thailand-multicountry.pdf>
- ²⁶Intergovernmental Panel on Climate Change. (2007). Climate Change 2007: Synthesis Report. Retrieved from https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/2018/02/ar4_syr_full_report.pdf
- ²⁷Frontiers in Sustainable Food Systems. (2022). Article Title. Retrieved from <https://www.frontiersin.org/articles/10.3389/fsufs.2022.1030540/full>
- ²⁸Giannini Foundation of Agricultural Economics. (2023). [Title of the article]. Retrieved from https://s.giannini.ucop.edu/uploads/giannini_public/34/0f/340f8c28-cf2d-4246-9f87-84fe661568cb/v22n2_4.pdf
- ²⁹Meir, O. (2023). Tropic's Gene-Edited Banana Determined as Non-GMO in the Philippines. *Crop Biotech Update*, [April 19, 2023 issue]. Retrieved from <https://www.isaaa.org/kc/cropbiotechupdate/article/default.asp?ID=20135>
- ³⁰Food and Agriculture Organization of the United Nations. (n.d.). Document Title. Retrieved from <https://www.fao.org/3/cc2273en/cc2273en.pdf>
- ³¹Organisation for Economic Co-operation and Development. (n.d.). Publication Title. Retrieved from https://www.oecd-ilibrary.org/sites/08801ab7-en/1/3/2/index.html?itemId=/content/publication/08801ab7-en&_csp_=cdae8533d2